

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Vimcert 038

Địa chỉ: Khố 8, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai

Email: tkqtmt-snnmt@laocai.gov.vn Điện thoại: 02143.821256

Số: 497/KQPT/2025

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

1. Tên khách hàng / Tên dự án:	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái		
2. Địa chỉ khách hàng / Địa chỉ dự án:	Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai		
3. Kế hoạch / Biên bản lấy mẫu:	Biên bản số 115/BBHT ngày 22 tháng 10 năm 2025		
4. Mã mẫu / Vị trí quan trắc/ Tọa độ:	+ 166/2025/Điểm đo 01: Khu vực trạm bơm - Trạm bơm số II - Nhà máy nước sạch Yên Bình, thôn 6, xã Yên Bình. Tọa độ: KD: 104°57'39,6"; VD: 21°43'49,8" + 166/2025/Điểm đo 02: Khu vực công nhà máy - Trạm bơm số II - Nhà máy nước sạch Yên Bình, thôn 6, xã Yên Bình Tọa độ: KD: 104°57'40,7"; VD: 21°43'48,3"		
5. Phương pháp quan trắc / Bảo quản mẫu:	QCVN 46:2022/BTNMT; TCVN 7878-2:2018		
6. Ngày lấy mẫu: 22/10/2025	7. Tình trạng: Đảm bảo thời gian đo mẫu theo đúng quy định; nhà máy hoạt động bình thường		
8. Ngày giao mẫu:	9. Ngày thí nghiệm: 22/10/2025		

Kết quả:

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên / Số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo / MDL	Kết quả		QCVN
					166/2025/ Điểm đo 01	166/2025/ Điểm đo 02	
A Do đặc tại hiện trường							
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	0 ÷ 50	31,3	28,4	-
2	Độ ẩm	%		700 ÷ 1100	66,7	66,3	-
3	Tốc độ gió	m/s		0 ÷ 30	0,8	1,2	-
4	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	20 ÷ 140	68,8	61,2	70

Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (Khu vực thông thường);
- (-): Giá trị không quy định; MDL: Giới hạn phát hiện; Giá trị < MDL ghi KPH (Không phát hiện); Giá trị trong khoảng MDL đến LOQ ghi < LOQ; LOQ = 3×MDL; Giới hạn định lượng.

*Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu lấy tại thời điểm quan trắc;
Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của TTKT&QTMT Lào Cai.*

**PHÒNG QUẢN TRẮC VÀ
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Anh Tuấn

Lào Cai, ngày 13 tháng 11 năm 2025
GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Vlat 1.1158 - Vimcert 038

Địa chỉ: Khố 8, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai

Email: tkqmt-smmt@laocai.gov.vn Điện thoại: 02143 821 256



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG NƯỚC

1. Tên khách hàng / Tên dự án:	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái		
2. Địa chỉ khách hàng / Địa chỉ dự án:	Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai		
3. Kế hoạch / Biên bản lấy mẫu:	Biên bản số 115/BBHT ngày 22 tháng 10 năm 2025		
4. Mã mẫu / Vị trí quan trắc / Tọa độ:	+ 166/2025/NT 01: Điểm xả vào hệ thống cống thoát chung - Trạm bơm số II - Nhà máy nước sạch Yên Bình tại thôn 6, xã Yên Bình. Tọa độ: KD: 104°57'39,8"; VD: 21°43'48,9"		
5. Phương pháp quan trắc / Bảo quản mẫu:	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011		
6. Ngày lấy mẫu: 22/10/2025	7. Tình trạng mẫu: Mẫu đủ số lượng, bảo quản đúng quy định, đảm bảo để phân tích		
8. Ngày nhận mẫu: 23/10/2025	9. Ngày bắt đầu thí nghiệm: Từ ngày 24 tháng 10 năm 2025 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025		

Kết quả:

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên / Số hiệu phương pháp	Dải đo / MDL	Kết quả	
A	Đo đạc tại hiện trường					
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,477	5,5 - 9
B	Xử lý và Phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm					
1	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	5,0	27,6	99
2	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2021	1,0	<3,0	49,5

3	COD*	mg/l	SMEWW 5220C:2023	3,0	< 9,0	148,5
4	Amoni (NH ₄ ⁺ TN)	mg/l	TCVN 6634:2000	0,03	KPH	9,9
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ TN)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,03	3,01	-
6	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2023	0,7	KPH	9,9
7	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2	460	5000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng thải công nghiệp; Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- (-): Giá trị không quy định; (*): Thông số được công nhận Vlat; TN: Tính theo N;
- MDL: Giới hạn phát hiện; Giá trị < MDL ghi KPH (Không phát hiện); Giá trị trong khoảng MDL đến LOQ ghi < LOQ; LOQ = 3×MDL: Giới hạn định lượng.

Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu lấy tại thời điểm quan trắc;

Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của TTKT&QTM Lao Cai;

Mẫu trên được lưu 10 ngày kể từ ngày trả kết quả nếu không có ý kiến phản hồi từ khách hàng.

PHÒNG PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG



Vũ Văn Quân

Lào Cai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Vũ Văn Thuận

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Vlat 1.1158 - Vimcert 038

Địa chỉ: Khối 8, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai

Email: tkqtmt-snmmt@laocai.gov.vn Điện thoại: 02143 821 256



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG NƯỚC

1. Tên khách hàng / Tên dự án:	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái		
2. Địa chỉ khách hàng / Địa chỉ dự án:	Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai		
3. Kế hoạch / Biên bản lấy mẫu:	Biên bản số 115/BBHT ngày 22 tháng 10 năm 2025		
4. Mã mẫu / Vị trí quan trắc / Tọa độ:	+ 166/2025/NM 01: Công trình khai thác, sử dụng nước mặt tại hồ Thác Bả - Trạm bơm I tại thôn 13, xã Yên Bình. Tọa độ: KD: 104°58'26,3"; VD: 21°44'41,6"		
5. Phương pháp quan trắc / Bảo quản mẫu:	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-4:2020; TCVN 6663-6:2018; TCVN 8880:2011		
6. Ngày lấy mẫu: 22/10/2025	7. Tình trạng mẫu: Mẫu đủ số lượng, bảo quản đúng quy định, đảm bảo để phân tích		
8. Ngày nhận mẫu: 23/10/2025	9. Ngày bắt đầu thí nghiệm: Từ ngày 24 tháng 10 năm 2025 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025		

Kết quả:

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên / Số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo / MDL	Kết quả	
					166/2025/NM 01	QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 3 (Mức A)
A Đo đặc tại hiện trường						
1	pH*	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	8,440	6,5 - 8,5
2	DO*	mg/l	TCVN 7325:2016	0 ÷ 20	8,56	≥ 6,0
B Xử lý và Phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm						
1	TSS*	mg/l	TCVN 6625:2000	1,5	14,3	≤ 5

2	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2021	1,0	3,30	≤ 4
3	COD*	mg/l	SMEWW 5220C:2023	3,0	10,08	≤ 10
4	Tổng TOC**	mg/l	TCVN 6634:2000	1,0	< 1	≤ 4
5	Tổng P (TP)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,02	KPH	≤ 0,1
6	Tổng N (TN)	mg/l	SMEWW 4500.N.C:2023 & SMEWW 4500.NO ₃ .E:2023	0,06	0,84	≤ 0,6
7	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2	40	≤ 1.000

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt; Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước.
- (-): Giá trị không quy định; (*): Thông số được công nhận Vlat; (**) Thông số theo kết quả thầu phụ Vimmcert 079; TP: Tính theo P; TN: Tính theo N;
- MDL: Giới hạn phát hiện; Giá trị < MDL ghi KPH (Không phát hiện); Giá trị trong khoảng MDL đến LOQ ghi < LOQ; LOQ =3×MDL: Giới hạn định lượng.

Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu lấy tại thời điểm quan trắc;
 Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của TTKT&QTM LTà Cai;
 Mẫu trên được lưu 10 ngày kể từ ngày trả kết quả nếu không có ý kiến phản hồi từ khách hàng.

PHÒNG PHÂN TÍCH
 MÔI TRƯỜNG


 Vũ Văn Quân

Lào Cai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC


 Vũ Văn Thuận



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 14558/2025/PKQ (7009.01W2510.1867)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ : TỈNH LÀO CAI
Loại mẫu : Trụ sở khối 8, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai
Tình trạng mẫu : Nước mặt
Số lượng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Thời gian nhận mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025
Thời gian thử nghiệm : 27/10/2025 - 07/11/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1.	TOC ^(b)	mg/L	TCVN 6634 : 2000	<1

Ghi chú:

- 01W2510.1867: Công trình khai thác, sử dụng nước tại mặt hồ Thác Bà-Trạm bơm I tại thôn 13, xã Yên Bình 166/2025/NM01
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh